

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2025/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu
hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 08 tháng 12 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 2310/QĐ-TTg ngày 17/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động tháng cao điểm chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định và phát triển bền vững ngành thủy sản Việt Nam;

Căn cứ Kết luận số 42-KL/TU ngày 05/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai về chủ trương ban hành quy định chính sách hỗ trợ giải bản tàu cá trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Kết luận số 57-KL/TU ngày 01/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai về chủ trương chuyển đổi nghề, giải bản tàu cá;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số .../BCTT-KTNS ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chính sách hỗ trợ giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cá nhân, hộ gia đình sở hữu tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét trở lên, đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai, nhưng không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản.

2. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện giải bản tàu cá.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ giải bản chỉ áp dụng đối với các tàu cá không có nhu cầu đăng ký, đăng kiểm, cấp giấy phép khai thác thủy sản và đóng mới, cải hoán, mua bán không theo quy định.

2. Việc hỗ trợ bảo đảm công khai, công bằng, đúng đối tượng, không trùng lặp.

3. Chủ tàu cá và các thành viên trong hộ gia đình được hưởng hỗ trợ phải chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định.

4. Việc hỗ trợ giải bản tàu cá phải gắn liền với công tác quản lý chặt chẽ, tránh tình trạng tái sử dụng tàu đã giải. Chủ tàu và lao động trên tàu sau khi nhận hỗ trợ cần cam kết tham gia các chương trình đào tạo nghề, chuyển đổi sinh kế phù hợp.

Điều 4. Nội dung hỗ trợ

1. Hỗ trợ giải bản tàu cá: Hỗ trợ một lần bằng tiền cho chủ tàu cá, cụ thể như sau:

a) Đối với vỏ tàu cá: Hỗ trợ 50% giá đóng mới, mức hỗ trợ 13.600.000 đồng/tấn đăng ký.

b) Đối với máy chính tàu cá: Hỗ trợ 70% giá máy tàu cá đã qua sử dụng, mức hỗ trợ 591.500 đồng/CV.

2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề:

Hỗ trợ một lần bằng tiền cho chủ tàu cá và các thành viên trong cùng hộ gia đình đang sinh sống thực tế, thuộc diện có tàu cá nhưng không còn nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản. Mức hỗ trợ được xác định tương ứng với chi phí học phí, tiền ăn và tiền ở theo quy định hiện hành, cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ tiền học phí, chi phí học tập: 2.300.000 đồng/tháng/người.

b) Hỗ trợ tiền ăn: 50.000 đồng/người/ngày.

c) Hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian học nghề: 500.000 đồng/người/tháng.

d) Thời gian hỗ trợ học nghề: 10 tháng (tương đương 01 năm học).

3. Hỗ trợ ổn định cuộc sống: Hỗ trợ một lần bằng tiền cho thành viên của hộ chủ tàu cá sống phụ thuộc vào nghề đánh bắt thủy sản như sau:

a) Hỗ trợ gạo: Hỗ trợ bằng tiền tương đương với mức 30 kg/người/tháng cho chủ tàu cá và các thành viên trong hộ gia đình, giá gạo theo báo cáo giá thị trường hàng tháng của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Thời gian hỗ trợ: 03 tháng.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa, kỳ họp thứ, thông qua ngày tháng năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ,
- Các Bộ: NN và MT, Tài Chính, Tư pháp;
- VP Chủ tịch nước;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL thuộc Bộ Tư pháp;
- BTV Tỉnh ủy, cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- ĐB HĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đảng ủy; HĐND, UBND, UBMTTQVN các phường, xã;
- Báo và PTTH Gia Lai, Cổng TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Tin học – Công báo Gia Lai;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung